

CẢM HỨNG QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC TRONG THƠ BÌNH ĐỊNH THẾ KỶ XX

Chu Lê Phương¹

TÓM TẮT

Bình Định là một mảnh đất nhỏ hẹp ở ven biển miền Trung. Thiên nhiên vừa khắc nghiệt vừa phong phú và trầm tích lịch sử văn hóa đã giúp mảnh đất này trở thành nơi nảy nở, phát triển của nhiều phong trào thi ca, nhiều thi sĩ nổi danh trên thi đàn Việt Nam thế kỷ XX. Trong nhiều sáng tác của họ, cảm hứng quê hương, đất nước như một ngọn nguồn làm xuất hiện nhiều hình ảnh, cảm xúc, nhiều áng thơ ngập tràn lòng tự hào và thương mến quê hương, xứ sở. Trải qua nhiều thăng trầm lịch sử, cảm ấy biểu hiện thành nhiều khía cạnh, nhiều gương mặt thi ca khác nhau nhưng đều hội tụ lại tạo thành diện mạo chung của thơ Bình Định, trở thành bộ phận không tách rời với kho tàng văn chương dân tộc.

Từ khóa: *Cảm hứng quê hương, đất nước, thơ Bình Định thế kỷ XX.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bình Định là một mảnh đất nhỏ hẹp ở miền Trung. Nhắc đến thơ ca Bình Định thế kỷ XX, có ý kiến cho rằng: “Nếu như trước năm 1945, Bình Định là một vùng thơ lạ, nhiều hương sắc độc đáo thì sau năm 1954, sau những biến động lớn của đất nước, văn học Bình Định cũng có nhiều thay đổi đáng kể” [3]. Thế kỷ XX chứng kiến sự nảy nở và phát triển mạnh mẽ của nhiều phong trào, tài năng thi ca vùng đất này, đóng góp vào thi đàn Việt Nam một hệ thống cảm hứng, chủ đề, kết cấu và ngôn ngữ, giọng điệu đặc sắc. Trong số các phương diện tạo nên dấu ấn đặc sắc đó, phải kể đến cảm hứng quê hương, đất nước như một nét độc đáo, vừa chung vừa riêng của các thi sĩ Bình Định trong dòng chung thi ca Việt Nam hiện đại.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Từ dấu ấn địa văn hóa của một vùng đất

Bình Định là tỉnh nằm ở khu vực Nam Trung bộ, có địa hình đa dạng, gồm rừng núi, đồng bằng, hải đảo và đô thị, trong đó núi đồi chiếm hơn 4/5 diện tích. Quy Nhơn là thủ phủ, đồng thời cũng là một thành phố biển đẹp. Năm 1471, sau khi chính thức được sát nhập vào Đại Việt, Bình Định trở thành vùng biên viễn. Những lớp người Kinh và Thượng đã sớm cố kết lại, không tiếc mồ hôi và xương máu, biến vùng phiên trấn này thành những xóm làng đông đúc, trù phú. Chính những điều kiện kinh tế - xã hội và hoàn cảnh lịch sử đó khiến cho cư dân Bình Định vừa có những phẩm chất cao quý của người Việt Nam (cần cù, sáng tạo, nhân ái, kiên cường), vừa có những sắc thái riêng (khảng khái, hào hiệp, phóng khoáng, sẵn

¹ Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Quy Nhơn; Email: chulephuong@qnu.edu.vn

sàng hy sinh vì nghĩa lớn). Những con người như Nguyễn Huệ, Bùi Thị Xuân, Mai Xuân Thưởng, Tăng Bạt Hổ, Đào Tấn, Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Yên Lan... là minh chứng rõ nét.

Xét về cảnh quan thiên nhiên, Bình Định là vùng đất được nhiều ưu đãi: các dãy núi Bích Khê, Lạc Phụng, những dòng sông Lại, sông Côn, sông Hà Thanh, thác LơPinh, Hàm Hô, đá Vọng Phu, Ghềnh Ráng, các bãi biển Đền Gi, Quy Nhơn, Quy Hòa... Đền ca ngợi vùng đất tươi đẹp này, dân gian truyền lại câu ca: “*Mảng vui Hương Thủy, Ngự Bình/ Ai vô Bình Định với mình thì vô/ Chẳng lịch bằng đất kinh đô/ Bình Định không đồng khô cỏ cháy/ Năm dòng sông chảy/ Sáu dãy non cao/ Về biển Đông sóng vỗ dạt dào...*” (Ca dao). Quy Nhơn - Bình Định đã từng là một trong những nơi chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của phong trào Thơ mới với nhiều tên tuổi thi nhân ưu tú.

Bình Định còn chứa bề dày văn hóa, là nơi giao lưu giữa văn hóa Việt với văn hóa Chăm-pa. Những đóng góp của người Chăm-pa đã tạo nên dáng vẻ riêng của mình, góp phần tạo nên tính chất bản địa khó lẫn của vùng đất này: thành Đồ Bàn, Thị Nại, hơn chục ngọn tháp Chăm-pa nổi tiếng ghi nhận một giai đoạn phát triển rực rỡ của nền văn hóa, nghệ thuật cổ xưa giờ đây đã trở thành những biểu tượng văn hoá đặc thù của vùng văn hoá Nam Trung bộ nói chung và đất Bình Định nói riêng. Những biểu tượng này không chỉ ăn sâu vào trong tiềm thức của cư dân Chăm-pa mà nó còn đi vào ca dao, dân ca của các dân tộc khác cùng cộng cư trên mảnh đất văn hoá và giàu truyền thống này: “*Ai về Tuy Phước ăn nem/ Ghé qua Hưng Thạnh mà xem tháp Chàm*” (Ca dao). Nằm trên con đường kinh lý Bắc Nam, vùng đất này còn là nơi hội tụ nhiều tôn giáo lớn. Đó là Thiên Chúa giáo theo chân các cố đạo người Pháp được truyền bá và lấy Quy Nhơn làm trung tâm truyền giáo ở Đàng Trong từ thế kỷ XVII, ngày nay còn để lại dấu ấn trên nhiều công trình kiến trúc là các nhà thờ, tiểu chủng viện. Xét về khía cạnh Phật giáo, cũng từ thế kỷ XVII, miền đất Bình Định “*đất lành chim đậu*”, được nhiều vị danh sư ghé bước hoằng hóa và nhiều chư tôn bản địa xây dựng hệ thống chùa chiền, tịnh xá để tu tập, cứu giúp chúng sinh mà trải qua thời gian, đã xây dựng nên hình ảnh Phật giáo Bình Định rạng rỡ như ngày hôm nay. Sự hài hòa giữa các tôn giáo góp phần làm phong phú thêm đời sống tinh thần của người dân xứ này: “*Thơ Hàn Mặc Tử ra đời, điều ấy chứng tỏ rằng Đạo Thiên Chúa ở xứ này đã tạo một cái không khí có thể kết tinh thành thơ*” [5].

Như vậy, vùng đất Bình Định được hình thành trên một dạng địa hình hẹp và dài, kẹp giữa một bên là biển Đông bao la và dãy Trường Sơn hùng vĩ. Sự cộng cư và truyền thống văn hoá Chăm-pa, văn hoá Việt đã tạo nên bức tranh văn hoá độc đáo. Mạch nguồn tâm linh và các cơ sở lịch sử, địa lý, nhân học, dân tộc góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng không chỉ về nội dung mà còn là những biểu hiện sâu sắc, sinh động về phương thức nghệ thuật trong sáng tác của các thi sĩ đất Bình Định.

Trong phạm vi nghiên cứu, có thể thấy tên gọi “*thơ ca Bình Định thế kỷ XX*” có diện khảo sát rất rộng, số lượng tác phẩm lớn. Bài viết này tập trung khảo sát những sáng tác thơ ca Bình Định trong thế kỷ XX của các tác giả theo hai tiêu chí để đảm bảo tính khoa học và hệ thống. Thứ nhất, đó là các nhà thơ sinh ra và lớn lên ở đất Bình Định, có nhiều sáng tác

về quê hương Bình Định. Tiêu biểu có thể kể đến tên tuổi các nhà thơ theo từng thời kỳ lịch sử như sau: từ đầu thế kỷ XX đến năm 1945 là Đào Tấn, Nguyễn Trọng Trì, Phan Bá Huân, Xuân Diệu, Yên Lan..., từ sau năm 1945 đến 1975 là Xuân Diệu, Yên Lan, Lê Thu, Cao Duy Thảo..., từ sau năm 1975 đến cuối thế kỷ XX là Lê Thu, Văn Trọng Hùng, Mai Thìn, Nguyễn Thanh Mừng, Trần Thị Huyền Trang, Bùi Thị Xuân Mai, Khổng Vĩnh Nguyên... Thứ hai, đó là các nhà thơ tuy không phải sinh ra ở Bình Định nhưng đã từng có thời gian gắn bó hoặc đến với vùng đất này, có nhiều sáng tác về Bình Định. Có thể kể đến tên tuổi của một số gương mặt tiêu biểu như: từ đầu thế kỷ XX đến năm 1945 là Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Quách Tấn..., sau năm 1945 đến năm 1975 là Nguyễn Viết Lãm, Lê Văn Ngẩn, sau năm 1975 đến hết thế kỷ XX là Nguyễn Văn Chương, Văn Cao...

2.2. Cảm hứng quê hương, đất nước đậm nét, xuyên suốt

2.2.1. Cảnh sắc thiên nhiên, sông núi

Quê hương là nguồn mạch xuyên suốt, dồi dào trong sáng tác của thơ ca nói chung và trong nhiều sáng tác của các thi sĩ đất Bình Định nói riêng. Quê hương, đất nước như một phần hồn, máu thịt, tâm tưởng của họ. Các thi sĩ đã vẽ nên trong thơ mình một quê hương đẹp chân thực trong hiện tại và một quê hương thân thương trong tâm tưởng, hoài niệm. Quê hương trong tâm thức của thi nhân, đó là vẻ đẹp của cảnh sắc quê hương, vừa là hình ảnh những người thân thương gắn với những kỉ niệm êm đềm. Cả hai hình ảnh ấy hòa quyện, đan xen nhau tạo thành nguồn cảm hứng bất tận, nuôi sống nguồn thơ và cả cuộc đời thi nhân.

Quê hương hiện lên trong sáng tác của các thi sĩ Bình Định trước hết là cảnh sắc núi sông, biển trời tươi đẹp, trong hoài niệm hay cả trong hiện tại. Trước năm 1945, Bình Định vốn đã nổi tiếng với tên tuổi của nhiều thi sĩ thơ Hán Nôm như Đào Tấn, Tăng Bạt Hổ, Nguyễn Trọng Trì, Nguyễn Bá Huân... Sáng tác của họ chủ yếu vẫn là sự tiếp nối của bộ phận văn học cổ điển, chính vì vậy, cảm hứng quê hương, đất nước, hình ảnh thiên nhiên đa thanh sắc cũng xuất hiện thường trực. Có nhà nghiên cứu đã thống kê trong thơ của Đào Tấn (1845 - 1907): “Trong thơ chữ Hán Đào Tấn, hình tượng núi, sông xuất hiện với tần số lớn nhất. Qua 141 bài thơ, hình tượng sông xuất hiện 40 lần, còn hình tượng núi xuất hiện tới 57 lần, với nhiều cách gọi, cách gọi khác nhau...” [7]. Đào Tấn vừa là một thi nhân, vừa là một dật nhân đang náu mình vào cảnh đẹp núi non chốn quê nhà. Ông tả núi Linh Phong vừa là biểu tượng quê hương, đất nước, vừa là nơi thả hồn sau những tâm sự chán chường trước thời cuộc: “*Từng hẹn sống luôn bên cạnh hoa/ Chùa Linh Phong ấy nhớ lều ta/ Sớm nay đất khách gặp xuân sắc/ Nơi gió đầu mùa hoa sơn trà*” (*Lập xuân nhật quan sảnh sơn trà độc khai nhơn ức mai viên thi hoa bất tri khai vị hữu tác*).

Thế nhưng, đến những năm 30 của thế kỷ XX trở đi, Bình Định lại là nơi chứng kiến sự nở rộ và phát triển đến cao độ của nhiều thi sĩ trong phong trào Thơ mới 1932 - 1945, phải kể đến tên tuổi của Hàn Mặc Tử, Quách Tấn, Yên Lan, Chế Lan Viên, Nguyễn Viết Lãm... Mặc dù sáng tác theo chủ nghĩa lãng mạn và “*chénh choáng sang bờ tượng trưng, siêu thực*” (Hoài Thanh), tập trung vào cái tôi cá nhân cô đơn, sầu mộng nhưng thơ của các thi sĩ Thơ mới này vẫn làm nổi rõ những bức tranh tuyệt vời của cảnh sắc quê hương, mà cụ

thể là trăng sao, là núi non, sông nước, vừa chân thực vừa huyền ảo. Trong nhóm Bàn Thành tứ hữu và cả phong trào Thơ mới, Quách Tấn (1910 - 1992) được xem là đại diện tiêu biểu nhất cho phái “*thơ cũ*”, thuộc lòng Đường luật. Nhưng xem ra những quy định ngặt nghèo, về niêm, luật, vần, đối,... của thơ luật không hề trói buộc được ý tưởng, cảm xúc của thi sĩ. Hàn Mặc Tử tả cảnh xứ này: “*Bóng nguyệt leo song sờ sẫm gối/ Gió thu lọt cửa cọ mài chẵn...*” hay: “*Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu/ Đợi gió đông về để lả lơi...*” (Bến lèn) đây gọi tình thì, trong thơ Quách Tấn, nghệ thuật nhân hóa, tượng trưng, đồng nhất người và vạn vật không hiếm: “*gió say lá đảo*”, “*trăng gheo non sông*”, “*chim hồi hộp*”, “*cúc vẩn vơ*”... Bằng thể thơ Đường luật quen thuộc, thi sĩ đã thể hiện cái tình cho quê hương, đất nước dưới làn sương mờ của thi pháp tượng trưng. Đã xuất hiện trong đó cái tình, sự cảm nhận không chỉ bằng giác quan thông thường mà bằng tất cả trực giác những giây phút linh thiêng, huyền diệu của vạn vật, nhất là những sông núi, cảnh vật. Bên cạnh Hàn Mặc Tử và Quách Tấn, Yên Lan vừa là thành viên của nhóm thơ, trường thơ, đồng thời là một người con được sinh ra ở quê hương Bình Định. Đọc thơ Yên Lan (1916 - 1998), bên My Lãng, không gian - thời gian mơ hồ đi giữa tĩnh mịch và ngân vang, giữa trong ngần và sâu thẳm, giữa thực và mộng: “*Mà ông lão say trăng đầu gối sách/ Để thuyền hồn bơi khỏi bến My Lãng/ Tiếng gọi đò, gọi đò như oán trách/ Gọi đò, thôi, run rẩy cả ngành trăng*” (Bến My Lãng). Bến My Lãng đây ám ảnh đó dường như được thoát thai từ cái bến Trường Thi, An Nhơn gắn liền với thi nhân cả quãng đời thơ ấu, với những vui buồn thương mến. Nếu Bến My Lãng là cái bến trong tâm tưởng của nhà thơ, là nơi khai mở những con đường mới “*miền đất hứa*” (dù chỉ trong mơ), thì *Bình Định 1935* là ngọn cỏ tháp sừng sững lưu giữ những vẻ đẹp của non nước quê hương. Trong hàng hà sa số những vẻ đẹp xứ sở, Yên Lan vẫn không quên vàng trăng quê hương buồn man mác nằm giữa hai bờ hư thực: “*Ôi Bình Định tự thành cao trao gửi/ Buồn xé tà qua mấy cửa rong xanh/ Nơi đã đọng những vũng đàn lạnh đợi/ Cửa trăng gầy, gió lụy xuống mong manh*” (*Bình Định 1935*).

Những năm kháng chiến gian khổ, quê hương đất nước trở thành điểm tựa lớn lao về mặt tinh thần để khích lệ các thi sĩ, trong chiến đấu và trong sáng tác. Tác giả Trương Tham nhận xét về thơ ca lúc đó như sau: “*Trước hết là tiếng nói tâm hồn, khát vọng của nhân dân Bình Định trong một chiều dài lịch sử đầy biến động. Từ những Nguyên tiêu xa xăm với đau thương chất ngát, quặn lòng trong những mùa xuân mất nước cho đến hôm nay, ta đón Nguyên tiêu trong không khí thanh bình giữa mùa xuân của một đất nước đang đổi mới*” [6]. Là một công dân, nhà thơ, một nhà báo chiến trường, đi nhiều nơi cả thời thơ ấu và tuổi thanh xuân ngập chìm trong khói lửa của cả hai cuộc chiến tranh, bởi thế hơn ai hết Lê Thu có ý thức công dân cao độ và được thể hiện qua thơ với các đề tài quê hương - đất nước. Chi chứng kiến sự hi sinh của đồng đội, những mất mát của chiến tranh, sự tự do của quê hương được đổi bằng máu xương của đồng bào. Vậy nên cảm hứng quê hương - đất nước là nguồn cảm hứng dồi dào trong thơ chị. Trong tuyển *Điểm đạm Việt Nam*, với tổng 267 bài thơ đã có 67 bài thơ nằm trong mục riêng *Quê hương - Đất nước*, chiếm 25%. Lê Thu chỉ ra những điều bình dị làm nên tâm hồn từng con người Việt Nam: toàn những điều gần gũi: “*biển*”, “*đất*”, “*nhánh ổi*”, “*cành tre*”, “*tiếng võng trưa hè*”, “*câu ca dao*”... đã nuôi lớn từng tâm

hồn người dân Việt. Tất cả làm nên quê hương, xứ sở để rồi mỗi khi ai đó đi xa, khi nhắc về cũng phải chạnh lòng thương nhớ. Sống ở vùng đất Bình Định ngoan cường, Lê Thu đã dành khá nhiều bài thơ ca ngợi đất và người của quê hương mình với một vẻ đẹp bình dị, gần gũi: *“Em muốn đưa anh về thăm/ Làng em bên bờ sông nhỏ/ Nơi xanh bốn mùa ngọn gió/ Thổi hồng đóm lửa trong đêm”* (Làng ven sông). Chị đã viết về địa danh quê hương bằng tất cả niềm tự hào: *“Một mảnh trời Tuy Phước tựa vành nôi/ Anh đừng vậy mà khiêm nhường đến vậy”* (Màu xanh cây lúa).

Sau năm 1986, cảm hứng quê hương, đất nước ngày càng sâu đậm trong tâm thức của các thi sĩ Bình Định. Đó cũng là lúc đất này chứng kiến sự xuất hiện và chín chắn của một lớp các thi sĩ mới, những người vừa có cơ hội chứng kiến chiến tranh ở những năm tháng tuổi thơ, lại được sống trong bầu không khí hòa bình, đổi mới. Từ Đào Quý Thanh, Văn Trọng Hùng, Nguyễn Thanh Mừng, Trần Thị Huyền Trang, Trần Xuân Toàn, Mai Thìn..., bằng nhiệt huyết tuổi trẻ, tình cảm hồn nhiên đã cảm nhận quê hương ở từng lát cắt, từng hình ảnh như một ma lực đầy sức gọi: *“Ở đó, nhiều lúc không có một từ nào liên quan đến con người và vùng đất này, nhưng vẫn hiện lên hồn đất, hồn người rất quyến rũ... Mỗi thi nhân - bằng vốn sống và xúc cảm riêng của mình đã thổi vào cảnh vật, con người đất võ trời văn một triết lý, suy tưởng và liên tưởng riêng, làm sống lại hoặc bổ sung cho Bình Định những sắc thái và tính cách mới”* [2]. Quê hương theo chân Trần Thị Huyền Trang là ký ức về những dòng sông, con đò, bến chợ mà một đời người thơ thương nhớ: *“Tôi đã về đây ơi lão thuyền chài/ Con đò nhỏ chứa đầy khoang im lặng/ Sau tiếng sấm biết còn chi thừa nhẩn/ Bãi đã vườn. Bến đã chợ. Người xa”* (Gọi sông). Bên cạnh những khung cảnh thiên nhiên giàu sức gọi ấy là những biểu tượng gắn liền với văn hóa, những tháp cổ, phiên chợ, cuộc sống của con người vùng quê mộc mạc. Trần Xuân Toàn trong *Truyện thuyết Phước An* gọi liên tưởng về một *Chợ quê* của Đoàn Văn Cừ những năm Thơ mới 1932 - 1945 với những câu chuyện, hội làng, cây đa, lũy tre, những tên sông, tên đất, tên đồng: *“Đôi cánh tay trần khai phá những vùng hoang/ Như tháp thoáng những cánh buồm, như ồn ào người tụ/ Mới có bến Ghe, ghènh Đá... những cái tên gọi đã bao đời/ Thuyền từ muôn phương đến đây, dừng chân neo đỗ lại”*.

Trong số những hình ảnh tươi đẹp đó của Bình Định, mảnh đất Quy Nhơn hiện lên như tâm điểm của nỗi nhớ và cội nguồn của vẻ đẹp quê hương. Dù đi đâu, về đâu, Quy Nhơn luôn được các thi sĩ đem theo như một phần ký ức không thể tách rời: *“Mười lăm năm tôi đi xứ bắc/ Chắt giọt xương rồng gửi xuống đáy hồ Tây/ Chắt một giọt Quy Nhơn mằn mặn... Quy Nhơn/ Đẹp như tóc em dài làm rối lòng Cầu Đôi - Thị Nại”* (Trần Lê Tuấn - Giọt nước mắt xương rồng). Quy Nhơn ấy đã từng được miêu tả bằng nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác tinh tế trong thơ Văn Cao: *“Từ trời xanh/ Roi/ Vài giọt tháp Chàm/ Quanh Quy Nhơn”* (Quy Nhơn 3). Nhiều năm sau đó, Nguyễn Thụy Kha lại lần nữa tìm cách cắt nghĩa vẻ đẹp đơn sơ mà ám ảnh của thành phố này, Quy Nhơn có gì mà giữ chân du khách và làm xiêu lòng thi sĩ: *“Ngoài cái tên của mình: Quy Nhơn/ Thành phố nhỏ hơn những gì nó có/ Thơ bốn câu không quá hai mươi chữ/ Rụng chân trời một cánh yến mảnh mai”* (Quy Nhơn). Thành phố này là nơi chứng kiến, gặp gỡ và nuôi dưỡng bao câu chuyện tình đẹp để trong đời thường, trong thi ca.

2.2.2. Hình bóng những người thân yêu

Trong số các thi sĩ của làng Thơ mới ở đất Bình Định, Xuân Diệu (1917 - 1985) là thi sĩ sớm tạo nên tiếng vang, củng cố niềm tin của thanh niên nam nữ thành thị cho một phong trào thơ tân kỳ, hiện đại. Xuân Diệu mang trong mình dòng máu hai miền và rất tự hào vì điều đó: *“Đội ơn Thầy, đội ơn Má sinh con/ Cảm ơn Thầy vượt đèo Ngang cách trở/ Cảm ơn Má biết yêu người xứ Nghệ/ Nên máu con chung hòa cả hai miền”* (Cha Đàng Ngoài, Mẹ ở Đàng Trong). Từ nhỏ ông sống thiếu thốn tình cảm của mẹ, lớn lên chỉ đi học ở Quy Nhơn một thời gian rồi lại sớm ra Huế, Hà Nội học Trung học, Tú tài. Chính vì thế, hình ảnh quê hương trở thành một niềm ám ảnh, thôi thúc trong nhiều sáng tác của thi sĩ có tâm hồn nhạy cảm này. Đặc biệt, sau năm 1945, Cách mạng thành công, đất nước bước vào hai cuộc kháng chiến, thi sĩ công tác hầu như xa quê nhà, đất Bình Định nhiều lần hiện lên trong tâm khảm với những kỷ niệm, những bóng dáng quen thuộc xen lẫn niềm yêu mến, tự hào. Một đêm ở Tuy Phước cũng là một dịp để thi sĩ sống lại khoảng trời tuổi nhỏ, giọng thơ ông vừa như kể chuyện vừa như tỉ tê tâm sự: *“Đêm ngủ ở Tuy Phước là để mà không ngủ/ Thức với quê hương như vậy đã vừa đâu/ Xin thơ ta được thức mãi về sau/ Với Tuy Phước ngày nào còn đất nước”* (Đêm ngủ ở Tuy Phước). Khi ông nhớ về quê hương là ông nhớ về má, một người má thương con dạt dào như bao nhiêu người má Việt Nam xưa nay. Có má, thi sĩ còn có chỗ đi về, có chỗ nương tựa, là nguồn động lực cho mọi quyết tâm trong kháng chiến. Má thương con bằng thứ tình cảm hết sức bình dị: *“Theo ý má, con là hơn tất cả/ Ánh mặt trời, má cũng gửi vào con/ Bánh con cho, má để dành lại đã/ Con ăn cùng, má mới thấy quà ngon”* (Thơ tặng má).

Sau năm 1945, cả nước nói chung và Bình Định nói riêng bước vào hai cuộc kháng chiến trường kỳ. Những thi sĩ thời kỳ Thơ mới tiếp tục sáng tác nhưng không còn xoay quanh cái tôi cá nhân cô đơn, buồn bã mà đã đứng về phía đất nước, sát cánh với nhân dân. Nhiều thi sĩ là người trực tiếp cầm súng, cầm bút, có mặt ở những chiến trường ác liệt nhất. Một thế hệ các thi sĩ Bình Định trưởng thành trong chiến đấu, ý thức rất rõ về trách nhiệm của người cầm bút trong thời khắc lịch sử của dân tộc. Có thể kể đến tên tuổi của Yên Lan, Chế Lan Viên, Phạm Hồ, Nguyễn Viết Lãm... thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Đội ngũ các nhà thơ trẻ hơn, trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ ở Bình Định có thể đếm trên đầu ngón tay. Đó là Lê Thu, Từ Quốc Hoài, Hà Giao, Văn Trọng Hùng, Xuân Mai...

Trong số các thi sĩ Bình Định trưởng thành sau Cách mạng tháng Tám, Phạm Hồ (1926 - 2007) là một cây bút đa tài. Ngoài những tác phẩm viết cho thiếu nhi, ông còn ghi dấu ấn với nhiều truyện ngắn, tác phẩm thơ. Sống ở Bình Định thời trẻ, rồi chuyển ra đất Bắc, Phạm Hồ lưu giữ cho mình nhiều ký ức về quê hương thân yêu. Truyện ngắn *Cây bánh tét của người cô* được viết rất ám ảnh khôn nguôi về tấm lòng của người cháu với tuổi thơ là chiếc bánh tét to và cái bánh tét nhỏ của một người cô nghèo ở Bình Định. *Gió biển Quy Nhơn* lại gợi lên hơi thở của biển, hơi thở của Phú Mới. Nhưng người ta hay nhớ đến thơ Phạm Hồ, thơ ông có nhiều giấc mơ đẹp và ông thường thể hiện nỗi lòng nhớ má, nhớ chị, nhớ Quy Nhơn quê hương: *“Kháng chiến chín năm dài/ Xa biển lên rừng/ Đêm khuya suối hát/ Nhớ biển, nhớ mẹ cha rào rạt/ Có giọt suối nào vừa ra khơi?/ Biển thao thức hiện lên trước mắt”* (Biển). Ngay cả khi cầm súng với tư thế một người lính thực thi nhiệm vụ với

đất nước, bên kia chiến tuyến lại là người bạn thời ấu thơ, những kỷ niệm thuở nhỏ trên vùng đất quê hương lại hiện về đau đáu tâm can. Quê hương là ký ức, là cội nguồn bao tâm chân tình quý mến: *“Những ngày xưa thân ái/ Chắc hẳn quên rồi/ Riêng tôi, tôi nhớ:/ Đồng làng mênh mông biển lúa/ Suong mai đập trắng cỏ đường”* (Những ngày xưa thân ái).

Lê Văn Ngăn (1944 - 2015) là một thi sĩ đất Huế nhưng lại nhận được nhiều ưu ái từ xứ sở và văn hóa của mảnh đất Bình Định. Ông quê ở Quảng Điền, Thừa Thiên - Huế, nhưng Quy Nhơn là nơi gắn một đời ông gắn bó và viết những bài thơ đầy xúc cảm. Là nhà thơ nổi tiếng của phong trào học sinh - sinh viên yêu nước trong các đô thị miền Nam trước 1975, nhiều bài thơ của ông được chọn phát trên Đài tiếng nói Việt Nam, Đài Giải phóng trong thời kỳ chiến tranh chống Mỹ làm nức lòng hai bờ chiến tuyến. Vóc dáng mảnh mai của ông, khuôn mặt khắc khổ của ông, giọng nói nhỏ nhẹ của ông, dường như ẩn chứa bên trong một tâm hồn đầy xúc cảm, đầy suy tư. Công chúng chỉ có thể tìm ông trong thơ, nơi ông trú ngụ một cách yên bình xen lẫn những mong ngóng, những lo toan. Sống ở Quy Nhơn, Bình Định, nhịp điệu tinh lẻ đã tác động đến nhịp điệu của văn chương, tạo nên trong thơ ông sự chậm rãi, nhẹ nhàng, sâu lắng. Thơ ông thoáng đọc qua giống như những câu chuyện và ông là một người kể chuyện từ tốn, đau đáu những kỷ niệm về quê hương, triết lý nhân sinh: *“Tôi thăm hỏi có phải em đang gửi lời mình qua sóng biển/ nhắn cho tôi biết/ rằng nỗi đau đón em vẫn còn mang nặng/ Quy Nhơn Quy Nhơn đồng ruộng mía ở phía tây/ phát phối vườn bông gòn/ những đầm nước mặn/ in bóng cửa nhà”* (Sóng vẫn đập vào eo biển). Tuy nhiên, cái thâm trầm của Lê Văn Ngăn là thâm trầm mộc mạc, chứ không phải thâm trầm sắc sảo. Ông cứ thành thoi kể những câu chuyện đời thường, thì chính câu chuyện đời thường bật ra triết lý thú vị, với ông, quê hương là mẹ và mẹ cũng chính là quê hương. Hai hình bóng thân thương ấy quyện hòa với nhau, và thi sĩ đột nhiên giật mình thảng thốt, nếu ngày nào đó quê hương không còn hình bóng mẹ, thi sĩ ấy sẽ cô đơn đến chừng nào: *“Mẹ ơi, mẹ ơi/ anh sợ sẽ đến ngày anh gọi to như thế/ nhưng dưới lòng đất, mẹ anh không thể nào đáp lại/ Bây giờ, xin quê hương thân yêu đừng quên đưa tay choàng lấy một người con/ để trái tim anh bớt phần lạnh lẽo”* (Mẹ quê hương).

Trong làng thơ Bình Định, Khổng Vĩnh Nguyên lớn lên ở một làng chài nhỏ bé, quanh năm bao bọc bởi cát và gió: *“Gió rối tung tóc mẹ già mù cát/ Da sạm vàng rát khô/ Gió hú mòn đỉnh vọng phu”*, Tân Thanh, thuộc xã Cát Hải, huyện Phù Cát. Trong thơ ông, hình ảnh làng quê, đồng ruộng hiện lên thường nhật: *“Anh và em lớn lên trên cát/ Tát nước gàu dai, tình dài mạch nước”*, *“Từ đèo Tó Mọ gió hú về Cát Hải/Gió già nua gằm bới cát đời chồng/Làng công trên lưng ba đèo gió cát...”* (Gió Cát Hải). Nói về ông, nhà thơ Thanh Thảo tâm đắc: *“Khổng Vĩnh Nguyên là một nhà thơ nông dân thứ thiệt. Không chỉ vì anh sinh ra và lớn lên ở nông thôn (hầu hết các nhà thơ Việt Nam đều sinh ra và lớn lên ở nông thôn) mà vì anh đã từng là một trai cày. Người như thế mà làm thơ, mà làm thơ hay thì quý lắm!”* [4]. Khổng Vĩnh Nguyên gây ấn tượng với công chúng yêu thơ Bình Định không chỉ vì thơ, mà vì hoàn cảnh riêng và nét cá tính lạ lùng. Kết hôn được một năm thì vợ bỏ đi, để lại cho nhà thơ đứa con mới bảy tháng tuổi. Nhà thơ buồn bã, cô đơn hơn giữa dòng đời hối hả: *“Em bỏ ta lại một mình/ Nắng khô gốc rạ chút tình bay xa”* (Em bỏ ta). Người bà mù lòa phải lần mò chăm đứa cháu: *“Ta ngồi nghe bóng chiếu tà/ Bỏ quên com nguội mẹ già rưng*

rung”. Nỗi đời cơ cực, tình yêu gãy gục, người chỉ còn biết đặt hết hy vọng vào thơ. Ông viết nên nhiều trang thơ ca ngợi công lao vô bờ của mẹ, của cha, những người mà ông suốt đời mắc nợ mang ơn, để ông có toàn tâm toàn ý dành cho thơ: “*Tiếc thương đời núi hao mòn/ Mưa nghiêng đường vắng chiều con về nhà*” (*Tiếc thương đời núi*), “*Gánh đời queo quắt đôi vai/ Lom khom lưng mẹ lấy ai đỡ đàn*” (*Gió thổi đêm mùa*). Những cảm xúc chân thật ấy về người thân, quê hương đã giúp ông tìm về với thể thơ đặc địa: thơ lục bát, như một lời tâm tình, giải bày thế giới nội cảm đầy phong phú, mãnh liệt. Thơ lục bát của ông chứa nhiều nỗi buồn, nhiều nặng nợ với cuộc đời.

Có thể nói, những tác giả và tác phẩm thơ ca Bình Định thế kỷ XX đã thể hiện một tấm lòng yêu quê hương, đất nước, lịch sử của những con người gắn bó với đất Việt nói chung và quê hương Bình Định sâu sắc. Cảm hứng và tình yêu ấy nảy nở tự nhiên và đi vào thơ ca một cách bình dị, chân thành và sâu lắng nhất như chính con người của mảnh đất quê hương Bình Định ngoan cường và nghĩa tình.

3. KẾT LUẬN

Nhận xét về văn chương Bình Định, Trần Hoài Anh cho rằng: “Thành tựu của văn học đương đại Bình Định trong những năm qua không chỉ là sự kết tinh của một vùng văn hóa giàu truyền thống mà còn là sự dấn thân, phấn đấu không ngừng của mỗi nhà văn trong hành trình lao động, sáng tạo nghệ thuật” [1]. Trong đó, cảm hứng quê hương, đất nước dường như là ngọn nguồn cảm hứng sáng tác chủ đạo trong thi ca Bình Định. Đây vừa là sự tiếp nối nguồn cảm hứng lớn trong thơ ca truyền thống của người Việt nhiều thế kỷ trước, nay trong một bối cảnh lịch sử - văn hóa mới lại được phát triển và bồi đắp thêm nhiều sắc thái mới, góp phần tạo dựng nhiều tên tuổi nổi tiếng và là minh chứng thi ca Bình Định luôn là một phần trong dòng chảy thi ca Việt Nam hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Hoài Anh (2022), *Sự kết tinh từ một vùng văn hóa*, in trong Tọa đàm 10 năm văn học Bình Định (2011 - 2021) “Tiếp nối và hy vọng”, Hội Văn học nghệ thuật Bình Định và Chi hội Nhà văn Việt Nam tại Bình Định tổ chức tại Bình Định.
- [2] Hồ Thế Hà (2022), *Chất thơ của một vùng thơ*, in trong Tọa đàm 10 năm văn học Bình Định (2011 - 2021) “Tiếp nối và hy vọng”, Hội Văn học nghệ thuật Bình Định và Chi hội Nhà văn Việt Nam tại Bình Định tổ chức tại Bình Định.
- [3] Lê Hoài Lương (2005), *Văn nhân Bình Định, một góc nhìn*, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội.
- [4] Hoàng Ngọc (2021), *Rong ruổi kiếp thơ*, <https://nhandan.vn/rong-ruoi-kiem-tho-post638625.html>.
- [5] Nhóm tri thức Việt (tuyển chọn) (2016), *Hàn Mặc Tử, thơ và đời*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [6] Trương Tham (2004), *Một vài suy nghĩ về tập “Thơ Bình Định thế kỷ 20”*, nguồn: <https://baobinhdinhhinh.vn/643/2004/3/8981/>, truy cập ngày 8 - 4 - 2023.
- [7] Nguyễn Đình Thu (2020), *Thơ chữ Hán Đào Tấn - Những điểm nhìn nghệ thuật*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

INSPIRATION OF THE HOME LAND, COUNTRY IN THE TWENTIETH CENTURY POETRY OF BINH DINH PROVINCE

Chu Le Phuong

ABSTRACT

Binh Dinh is a small, idyllic piece of land on the central coast. The natural features and rich cultural history have helped this land become the birthplace and development of many poetic movements, many famous poets in the Vietnamese 20th century poetry. In many of their compositions, the inspiration of the homeland and the country as a source makes many images, emotions, and poems filled with pride and love for the homeland. Experiencing many ups and downs in history, that feeling manifests in many aspects, many different facet, but all converge to form a common appearance of Binh Dinh poetry, an integral part of the literary treasure of the nation.

Keywords: *Inspiration about homeland, country, Binh Dinh poetry in the 20th century.*

* Ngày nộp bài: 12/4/2023; Ngày gửi phản biện: 14/4/2023; Ngày duyệt đăng: 26/4/2023